

NHỮNG ĐÁNH GIÁ VỀ KHÚC THỪA MỸ ĐÔI ĐIỀU SUY NGẪM

TRẦN THUẬN*

1. Vài nét về thân thế và hành trạng của Khúc Thừa Mỹ

Khúc Thừa Mỹ có sách chép là Khúc Toàn Mỹ (*Ngự chế thi tập* (1), *Việt sử lược* (2)). Xét quan hệ gia tộc thì Khúc Thừa Mỹ là con trai của Khúc Hạo, cháu nội của Khúc Thừa Dụ. Mỗi quan hệ này, đến nay đã có thể khẳng định sự chắc chắn của nó, tuy có vài chi tiết chưa thống nhất như tên gọi, một vài niên đại sự kiện, song có thể thấy, các thư tịch của Việt Nam lẫn Trung Hoa hầu như đã chép khá thống nhất về mối quan hệ giữa ba đời Khúc chúa.

Cụ thể, sách *Cựu Ngũ đại sử* (3) ở quyển 3 chép: Tháng 6 năm Khai Bình nguyên niên (907), “Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ Khúc Dụ mất. Ngày Bính Thân, tháng 7, lấy Tĩnh Hải quân Hành doanh tư mã Quyền tri Lưu hậu Hạo khởi phục làm An Nam đô hộ, sung Tiết độ sứ” (4); *Tân Ngũ đại sử* của Âu Dương Tu (5) không nói đến Khúc Thừa Dụ mà chỉ đề cập đến Khúc Hạo và con là Khúc Thừa Mỹ. Sách *Nam Hán thư* (6) cho biết, “Khúc Thừa Mỹ: ông nội là Dụ làm Tĩnh Hải Tiết độ sứ trong những năm đầu niên hiệu Khai Bình nhà Lương; cha là Hạo từng giữ chức Quyền tri Tĩnh Hải quân Lưu hậu, khi Dụ chết được Lương Thái Tổ cho nối chức Tiết độ, chưa được bao lâu thì chết. Con của Hạo là Thừa Mỹ lên

thay, bèn chuyên chiếm đất đai 12 châu ở Giao Chỉ” (7). Sách *An Nam chí nguyên* do Cao Hùng Trưng biên soạn, trong mục Nhân vật có đề cập “Riêng về họ Khúc” và chú thêm rằng, “Từ Khúc Thừa Dụ đến Khúc Thừa Hạo và Khúc Thừa Mỹ” (8). Sách *Nam Hán kỷ* (9) ra đời muộn (đời Thanh) nên đã tham cứu cả thư tịch Trung Hoa lẫn thư tịch Việt Nam để có cách nhìn cụ thể hơn, sách chép: “người Giao Châu Khúc Thừa Dụ có con trai là Hạo, con trai Hạo là Thừa Mỹ, ba đời đều là Tĩnh Hải Tiết độ sứ. *Việt sử ký* nói rằng: Họ Khúc là người Hồng Châu, đời đời là cự tộc, ông nội là Thừa Dụ khoan hòa nhân ái, mọi người đều phục. Đời Đường, Tăng Cỗn bỏ thành, Thừa Dụ tự xưng Tiết độ sứ, xin mệnh với triều đình. Đường đế nhân đó trao cho chức ấy. (Khúc) Hạo dựa vào cơ nghiệp cũ, buổi đầu chiếm giữ La Thành, xưng là Tiết độ, phân định các xứ lộ, phủ, châu, xã, đặt các chức chánh lệnh trưởng, tá lệnh trưởng, bình quân thuế ruộng, trừ bỏ lực dịch, chính sự cốt chuộng khoan hòa, giản dị, dân được nghỉ ngơi. Họ Khúc, ba đời, bắt đầu năm Canh Tý (880), kết thúc năm Canh Dần (930), cộng 51 năm. (Những điều này) hợp với (ghi chép của sách) Thông giám. *An Nam chí lược* chỉ chép có Hạo, Thừa Mỹ hai đời là lầm vậy” (10). Từ việc

*PGS.TS. Trường ĐH KHXH&NV Tp.Hồ Chí Minh

tham khảo các sách *An Nam chí lược* (11), *Thái bình quảng ký* (12), *Đại Việt sử ký tiền biên* (13) *Nam Hán kỷ* có sự đính chính và khẳng định rằng, “Ba đời họ Khúc bắt đầu từ năm Canh Tý, chấm dứt vào năm Canh Dần, thủy 51 năm” (14).

Có thể thấy, thư tịch cổ Trung Hoa khi đề cập đến họ Khúc, chính quyền họ Khúc, đã có vài nhầm lẫn, chẳng hạn nhầm lẫn về mối quan hệ giữa Khúc Thừa Dụ với Khúc Hạo, nhưng không hề nhầm lẫn giữa Khúc Hạo với Khúc Thừa Mỹ. Có thể không nhắc đến Khúc Thừa Dụ, nhưng hầu hết các tài liệu đều đã đề cập đến Khúc Hạo và Khúc Thừa Mỹ.

Ở Việt Nam, có lẽ vì thiếu thông tin tư liệu nên *Văn đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn trong khi dẫn lại từ sách *Tư trị thông giám* của Tư Mã Quang rằng, “Ngày 11 tháng Giêng năm Bính Dần, tức là ngày 7-2 năm 906, gia thăng chức Tĩnh Hải Tiết độ sứ là Khúc Thừa Dụ làm Đồng bình chương sự” và khẳng định: “Thừa Dụ tức là Khúc Tiên chủ. Khúc Hiệu và Khúc Thừa Mỹ đều là con cháu Thừa Dụ. Việc này không thấy chép trong sử của ta” (15). Nói sử ta không thấy chép về họ Khúc thì không hẳn, nhưng thực tế các sách chép không đầy đủ và không giống nhau. Hầu như từ thế kỷ XV trở về trước, sách sử nước ta không chép về Khúc Thừa Dụ. Cụ thể, sách *Việt sử lược* chép: “Khúc Hạo. Năm đầu niên hiệu Khai Bình nhà Lương (907), làm Tiết độ sứ thay Tổn Khúc Toàn Mỹ, là em Hạo. Đời Minh Tông (nhà Hậu Đường) (925-930) thay Hạo làm Tiết độ sứ, sau bị tướng Nam Hán là bọn Lương Khắc Chân bắt nộp cho Nam Hán” (16); *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “Đinh Mão (907) nhà Lương cho Quảng Châu Tiết độ sứ là Lưu ẩn kiêm chức Tĩnh Hải Quân Tiết độ sứ, tước Nam Bình vương. Khi ấy, Ân chiếm

giữ Phiên Ngung, người Giao Châu là Khúc Hạo chiếm giữ châu trị, tự xưng là Tiết độ sứ, có ý mưu đồ lẫn nhau. Hạo chết, Khúc Thừa Mỹ lên thay” (17). *An Nam chí lược* cũng chỉ chép: “Khúc Hạo chiếm cứ Giao Chỉ. Lúc ấy, Lưu Ẩn chiếm cứ Phiên Ngung, Ân chết, con là Lưu Nghiễm kế lập, xưng quốc hiệu là Nam Hán. Khúc Hạo khiến con là Thừa Mỹ qua làm Khuyển hạo sứ, đến Quảng Châu để dò xét thực hư. Hạo chết, Thừa Mỹ kế ngôi cha năm Kỷ Mão, niên hiệu Trinh Minh nhà Lương năm đầu (915), khiến sứ tiến cống, cầu lãnh tiết việt, nhà Lương nhân trao cho” (18).

Mãi đến năm 1514, khi Lê Tung viết *Việt giám thông khảo tổng luận* (19) thì mới xuất hiện đầy đủ cả ba thế hệ họ Khúc, sách viết: “Khúc Tiên Chúa [Thừa Dụ] mấy đời là hào tộc, mạnh sáng chí lược, nhân nhà Đường mất, lòng người yêu mến, suy tôn làm chúa, dựng đô La Thành, dân yên nước trị, công đức truyền mãi, nhưng hưởng tuổi không dài. Khúc Trung Chúa [Hạo] nổi cơ nghiệp trước, khoan hoà có phong thái của ông nội, trù hoạch quyết thắng, ngoài ý mọi người, chống các nước Bắc triều, là bậc chúa hiền của nước Việt, định ra hộ tịch và chức quản giáp, chế độ mới lập ít nhiều, nửa chừng thì mất. Đến đời Hậu Chúa [Thừa Mỹ] nhằm can qua, nặng phú dịch, trăm họ oán trách rồi bị Nam Hán đánh diệt (20). Điều lạ là bài *Việt giám thông khảo tổng luận* được xem là một trong những nội dung quan trọng của *Đại Việt sử ký toàn thư*, nhưng các tác giả *Toàn thư* khi đề cập đến họ Khúc không thấy nói gì về Khúc Thừa Dụ.

Đến thế kỷ XVIII, từ Lê Quý Đôn và sau đó là một vài bộ sách đã đề cập đến hành trạng của Khúc Thừa Dụ. Chẳng hạn, Quốc sử quán triều Nguyễn khi biên soạn bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*

(cuối thế kỷ XIX), các sử thần đã căn cứ vào *Tư trị thông giám* của Tư Mã Quang và *Vân đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn để chép đầy đủ về cả Tam Khúc chúa: Khúc Thừa Dụ, Khúc Hạo và Khúc Thừa Mỹ (21); sách *Đại Việt sử ký tiền biên* và *Việt sử tiêu án* của Ngô Thì Sĩ cũng chép: “Bính Dần (906), thăng cho Tiết độ sứ Khúc Thừa Hựu (22) chúc Đồng bình chương sự. Trước đây, Giao Châu loạn, Tiết độ sứ là Tăng Cỗn bỏ thành chạy về Bắc. Thừa Hựu vốn là thổ hào, tự xưng là Tiết độ sứ, rồi xin mệnh với nhà Đường, vua Đường nhân đó trao cho chức ấy” (23). Có thể nói đó là sự khởi đầu hết sức quan trọng, góp phần làm sáng tỏ phần nào hành trạng của Tam Khúc chúa.

Trong hai năm 1943 đến 1945, Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố cho đăng tải cả trăm bài báo trên *Tri tân* và *Thanh nghị*, là kết quả khảo cứu về lịch sử Việt Nam trải từ nghìn năm Bắc thuộc đến các triều Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý. Những bài báo này về sau đã tập hợp thành hai chuyên luận *Đại Nam đặt sự* và *Sử ta so với sử Tàu*, trong đó cụ Ứng Hòe đã nêu lên những câu hỏi lớn, đồng thời tỏ rõ quan điểm của mình rằng, “Các sử ta, sử tàu đều chép năm 906, vua Đường gia phong Thừa Dụ chúc Đồng bình chương sự, thì chính là năm 906 mới được phong, vậy thì từ năm 880 đến 906, ai cai trị dân Nam trong 26 năm ấy? Còn đến năm 923, tuy Thừa Mỹ bị bắt, sau lại được tha, mà sách chép đến năm 930, Dương Diên Nghệ mới xưng Tiết độ sứ, có lẽ dân còn thờ Thừa Mỹ mãi đến năm ấy (930) cho nên dân gọi Thừa Dụ là tiên chủ, Thừa Hạo là trung chủ, Thừa Mỹ là hậu chủ. Vậy thì kết luận họ Khúc được trường trị 51 năm là phải” (24). Tất nhiên, đó là cách nhìn nhận của cụ Ứng Hòe. Khi xem xét hành trạng của các Khúc chúa, còn khá nhiều vấn đề cần bàn luận cho thấu đáo. Đến thời hiện

đại, các nhà sử học nước ta còn tranh luận về niên đại kết thúc sự nghiệp trung hưng của họ Khúc. Khác với cụ Ứng Hòe, GS. Bửu Cầm không cho rằng, Nam Hán đánh chiếm nước ta và Khúc Thừa Mỹ bị bắt năm 930, mà trong *Quốc hiệu nước ta từ An Nam đến Đại Nam* (25) khẳng định sự kiện Nam Hán đánh chiếm Tĩnh Hải quân diễn ra vào năm 923. Quan điểm này được Nguyễn Bá Trác thể hiện trong *Hoàng Việt Giáp Tý niên biểu*: “Năm 923 - Quý Vy, Dương Diên Nghệ, năm 1. Nam Hán sang xâm lăng. Khúc Thừa Mỹ bị tướng Nam Hán là Lý Khắc Chính bắt; Dương Diên Nghệ ở Ái châu đánh đuổi được Lý Khắc Chính. Nam Hán dung Lý Tiến làm Giao châu thứ sử” (26). Phạm Văn Sơn trong *Việt sử tân biên* cũng cho rằng Khúc Thừa Mỹ bị bắt năm 923, nhưng không đồng tình với Bửu Cầm và Nguyễn Bá Trác khi cho rằng, Dương Diên Nghệ làm Tiết độ sứ từ năm 923, ông viết: “Tám năm sau (931) một kiện tướng của Khúc Hạo là Dương Diên Nghệ huy động dân chúng đuổi được bọn Lý Khắc Chính và Lý Tiến rồi lên thay vào chức Tiết độ sứ” (27).

Từ giữa thế kỷ XX, GS. Đào Duy Anh trong *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX* đã viết: “Nhân cơ hội chính quyền trung ương tan rã và nhân dân địa phương khởi nghĩa, một người hào trưởng ở Hồng Châu (miền Bình Giang và Ninh Giang tỉnh Hải Dương ngày nay) là Khúc Thừa Dụ, năm 905 cũng nổi lên. Được dân chúng ủng hộ, Thừa Dụ đánh đuổi được quan lại và binh lính Trung Hoa để chiếm giữ phủ thành. Thừa Dụ tự xưng Tiết độ sứ rồi báo cho nhà Đường biết sau. Nhà Đường không thể làm thế nào được, đầu năm 906 phải thừa nhận” (28). “Năm 907, Khúc Thừa Dụ chết, con là Khúc Thừa Hạo kế nghiệp tự xưng Tiết độ sứ. Nhà Đường

đã mất mà Trung Quốc thì nội loạn. Thừa Hạo nhân thời thế ấy () định lại các khu vực hành chính để thay thế các châu của nhà Đường, chia toàn hạt làm lộ, phủ, châu, xã (...). Thừa Hạo sửa lại chế độ điền tô và phú dịch, tạo hộ tịch biên rõ tính danh hương quán của mỗi người dân để làm căn cứ cho phú dịch và binh dịch” (29). Theo học giả Đào Duy Anh thì, “Cuộc kinh dinh của họ Khúc như thế là đã mở một bước phát triển mới cho xã hội phong kiến mà các triều đại tự chủ sau này sẽ thúc đẩy thêm” (30).

Sách *Lịch sử Việt Nam*, tập I của Ủy ban Khoa học xã hội xuất bản năm 1971 có đoạn đề cập về Họ Khúc và công cuộc đấu tranh giành lại quyền độc lập dân tộc, đánh giá cao công cuộc cải cách đất nước do họ Khúc tiến hành, sách viết: “Phát huy ý chí tự cường tự lập của cha ông, Khúc Hạo kiên quyết giữ vững đất nước, chăm lo xây dựng nền tảng độc lập của dân tộc. Khúc Hạo đã thi hành nhiều cải cách quan trọng về các mặt (...) “Chính sự cốt chuộng khoan dung, giản dị. Nhân dân đều được yên vui”. Những cải cách trên đây chứng tỏ chính quyền tự chủ của họ Khúc đã cố gắng vươn xuống các địa phương, xuống tổ chức cơ sở của xã hội (xã) để tăng cường quyền lực của nhà nước trung ương”. Về quân sự, các hào trưởng địa phương phục tùng chính quyền trung ương và họ Khúc vẫn duy trì xu hướng cát cứ để dựa vào họ khi củng cố, bảo vệ chính quyền ở các cơ sở”... “Dưới thời Khúc Hạo, bộ mặt đất nước bắt đầu chuyển biến thuận lợi, đời sống nhân dân được dễ chịu hơn trước” (31).

Bộ *Lịch sử Việt Nam* (15 tập) của Viện Sử học, (tái bản năm 2017) (32) tập 1 viết: “Đầu năm 905, nhân cơ hội chính quyền nhà Đường ở chính quốc suy yếu, chính quyền đô hộ ở Giao Châu đang tan rã,

Khúc Thừa Dụ nhân danh Hào trưởng một xứ, lại được nhân dân ủng hộ, tự xưng là Tiết độ sứ và giành quyền quản lý đất nước. Năm 906, nhà Đường buộc phải công nhận chính quyền của Khúc Thừa Dụ và phong ông làm Tĩnh Hải quân tiết độ sứ đồng bình chương sự. Tuy mang danh một chức quan của nhà Đường, nhưng trong thực tế và về thực chất, chính quyền Khúc Thừa Dụ là một chính quyền tự chủ, đặt cơ sở cho nền độc lập bền lâu của nước ta” (33). Trên cơ sở tham khảo và xử lý nhiều nguồn thư tịch, sách này nêu rõ tính phức tạp của tình hình và cách thức giải quyết của chính quyền họ Khúc: “Năm Đinh Sửu (917), Khúc Hạo sai con là Khúc Thừa Mỹ sang thông hiếu với nhà Nam Hán ở Phiên Ngung (Quảng Châu). Thực chất chuyến đi đó của Khúc Thừa Mỹ nhằm dò xét tình hình hư thực ở Phiên Ngung. Khúc Hạo mất, Khúc Thừa Mỹ lên thay năm 917. Sách *An Nam kỷ yếu* cho biết: Thừa Mỹ (từng) sai sứ sang nhà Lương xin lĩnh “Tiết việt”; nhân thế, nhà Lương cho làm Tiết độ sứ, coi quản Giao Châu. “Lư Cung (vua Nam Hán) nghe nói Thừa Mỹ đã nhận “Tiết việt” của nhà Lương, giận lắm, năm Quý Mùi (923), sai tướng giỏi là Lý Khắc Chính đem quân sang đánh bắt được Thừa Mỹ đem về” (34).

Có lẽ, bức tranh tổng thể giai đoạn đầu thế kỷ X của lịch sử nước ta đã lộ dần ra khá rõ. Khúc Thừa Dụ, một hào trưởng đất Chu Diên (nhiều tài liệu viết là Hồng Châu), năm 905, nhân Độc Cô Tổn, viên Tiết độ sứ ngoại tộc cuối cùng của nhà Đường chưa kịp đến đất An Nam đã bị bãi chức, chính quyền trung ương nhà Đường rệu rã, chính quyền An Nam như rần mất đầu, Khúc Thừa Dụ đã lãnh đạo dân chúng đánh chiếm thành Đại La, đuổi giặc về nước, tự xưng là Tiết độ sứ, dựng nên tự

chủ của dân tộc, đánh dấu mốc kết thúc thời kỳ “Ngàn năm Bắc thuộc” (35). Năm 906, nhà Đường phải thuận cho Khúc Thừa Dụ làm Tiết độ sứ, đồng thời gia phong cho ông chức Đồng bình chương sự.

Năm 907, Khúc Thừa Dụ mất, Khúc Hạo kế tục sự nghiệp cha làm Tiết độ sứ. Khúc Hạo tiến hành cuộc cải cách nhằm xây dựng đất nước với tinh thần tự chủ dân tộc. Chính quyền họ Khúc xây dựng đất nước theo phương châm “Khoan - Giãn - An - Lạc”, nhờ vậy mà đất nước có thể đứng vững trước âm mưu thôn tính của các thế lực cát cứ, bành trướng ở phía bắc. Bắt đầu từ *Đại Việt sử ký toàn thư* trở đi, nhiều tài liệu chép rằng, năm 917, Khúc Hạo mất, Khúc Thừa Mỹ thay cha tự xưng Tiết độ sứ, sai sứ đem phẩm vật sang cống nhà Hậu Lương và được nhà Hậu Lương phong làm Tiết độ sứ đồng thời cử sứ giả đến ban cho cờ tiết, phủ việt. Năm 919, Khúc Thừa Mỹ được nhà Hậu Lương phong là Kiểm hiệu Thái bảo Đồng bình chương sự. Điều này tương tự như trường hợp Khúc Thừa Dụ, năm 905 tự xưng Tiết độ sứ, năm 906 nhà Đường công nhận và gia phong Đồng bình chương sự. Năm 917, Khúc Thừa Mỹ xưng Tiết độ sứ, năm 919 nhà Lương công nhận chức Tiết độ sứ đồng thời gia phong Kiểm hiệu Thái bảo Đồng bình chương sự. Khúc Thừa Mỹ là Tiết độ sứ đến năm 930 thì quân Nam Hán sang xâm lược, Khúc Thừa Mỹ bị bắt, chính quyền họ Khúc kết thúc. Một vị tướng cũ của họ Khúc là Dương Đình (Diên) Nghệ lãnh đạo nhân dân đánh bại quân Nam Hán, xưng Tiết độ sứ, tiếp tục củng cố nền tự chủ của dân tộc mà họ Khúc đã gây dựng.

Tuy nhiên, những phát hiện gần đây cho thấy có nhiều vấn đề liên quan đến hành trạng của Khúc Thừa Mỹ cần được xác minh để có cách hiểu đúng đắn hơn.

Điều này hết sức quan trọng bởi nó liên quan đến việc đánh giá và vinh danh Hậu Khúc chúa Thừa Mỹ.

2. Đánh giá về Khúc Thừa Mỹ - Đòi điều suy ngẫm

Trong thời gian Khúc Hạo trị vì đất nước, có nhiều biến cố xảy ra, đòi hỏi chính quyền họ Khúc phải hết sức khôn khéo, bản lĩnh mới có thể vượt qua. Và chính trong giai đoạn này, Khúc Thừa Mỹ đã có nhiều đóng góp quan trọng, cùng với cha đưa đất nước vượt qua khó khăn, thử thách. Khúc Hạo mất, gánh nặng giang sơn đặt lên vai Khúc Thừa Mỹ trong bối cảnh An Nam luôn là mục tiêu nhắm tới của các lực lượng cát cứ và bành trướng ở phía nam Trung Hoa. Cuộc tranh hùng tranh bá của các lực lượng phía bắc càng làm cho tình hình bang giao hết sức phức tạp, đòi hỏi người lãnh đạo phải tỉnh táo, khôn ngoan, bản lĩnh; phải có đối sách đúng đắn mới có thể vượt qua.

Năm 907, Chu Toàn Trung giành ngôi nhà Đường, lập nên nhà Hậu Lương, đóng đô ở Biện Lương (Khai Phong). Năm sau (908), vua Hậu Lương phong cho Lưu Ẩn, người đứng đầu lực lượng cát cứ ở Quảng Đông làm Tiết độ sứ Quảng Châu, kiêm Tĩnh Hải quân tiết độ sứ An Nam đô hộ phủ và phong cho tước Bình Nam Vương. Lưu Ẩn giữ thành Phiên Ngung, Khúc Hạo giữ Giao châu. Việc nhà Hậu Lương phong cho Lưu Ẩn kiêm Tĩnh Hải quân tiết độ sứ An Nam đô hộ phủ một mặt tạo mâu thuẫn giữa họ Khúc với họ Lưu, mặt khác buộc nước ta phụ thuộc vào chính quyền họ Lưu (36). Năm 911, Lưu Ẩn chết, em là Lưu Cung (có sách gọi là Lưu Nham, Lưu Nghiễm) lên thay.

Trước tình hình đó, Khúc Hạo đã hết sức khéo léo và mềm dẻo trong sách lược ngoại giao, một mặt tạo nên mối quan hệ

thân thiện với họ Lư, tránh xung đột với một lực lượng cát cứ lảng giềng đang ngày càng mạnh lên, mặt khác đấu tranh để Hậu Lương tiếp tục công nhận Tiết độ sứ Tĩnh Hải quân cho họ Khúc. Kết quả là năm 911, triều đình Hậu Lương sai sứ mang cờ tinh, cờ tiết (gọi là tiết việt) sang Giao Châu ban cho họ Khúc, đúng như sách *Cựu Ngũ đại sử* đã chép: Tháng 12 năm Càn Hóa nguyên niên (911), “sai Đại lý khanh là Vương Thiện đi sứ đến An Nam, Tả tán kỵ thường thị là Ngô Ái đi sứ đến Lãng Châu, đều lấy cờ tinh, cờ tiết, chức quan mà ban cho (An Nam và Lãng Châu). An Nam Lương sứ Lưu hậu Khúc Mỹ (37) tiến cống đồng trung tiêu (vải tơ chuỗi?) 500 tấm, long não và uất kim mỗi thứ 5 bình và các thứ hàng hóa “hải hóa” khác; lại dâng các thứ do thông hiếu với Nam Man mà có là 5 đồ vật bằng vàng, 12 bình bằng bạc, cùng các thứ vải vóc như lụa hoa Càn Đà được dệt tinh xảo, mỗi loại 30 kiện” (38).

Từ trước đến nay, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, Khúc Thừa Mỹ kế nghiệp cha, làm Tiết độ sứ từ năm 917. Tuy nhiên, nếu đối chiếu thư tịch Trung Hoa sẽ thấy, có ít nhất ba mốc thời gian liên quan đến việc Khúc Thừa Mỹ làm Tiết độ sứ Tĩnh Hải quân. Sách *An Nam truyện* (39) viết: “An Nam, đời cổ là đất Giao Chỉ trong niên hiệu Chí Đức nhà Đường, đổi làm An Nam Đô hộ phủ. Nhà Đường đổ, thổ hào là Khúc Thừa Mỹ chiếm đất này, xưng Tiết độ sứ, cắt đứt sự liên hệ (với phương Bắc) (40). Nhà Đường đổ năm 907, nghĩa là sách này cho rằng, Khúc Thừa Mỹ làm Tiết độ sứ. Có lẽ có sự nhầm lẫn giữa Khúc Hạo (cha) với Khúc Thừa Mỹ (con) chăng? Bởi, theo *Cựu Ngũ đại sử* (như đã dẫn ở trên) thì cuối năm 911, đầu năm 912, nhà Lương “sai Đại lý khanh là Vương Thiện đi sứ đến An

Nam, Tả tán kỵ thường thị là Ngô Ái đi sứ đến Lãng Châu, đều lấy cờ tinh, cờ tiết, chức quan mà ban cho (An Nam và Lãng Châu). [] An Nam Lương sứ Lưu hậu Khúc Mỹ (theo sách Thông giám: Ngày Mậu Ngọ tháng 12, lấy Khúc Mỹ ở Tĩnh Hải làm Tiết độ sứ) tiến cống ()” (41); năm Trinh Minh thứ tư (918), “lấy An Nam Tĩnh Hải Tiết độ sứ, Kiểm hiệu Tư đồ là Khúc Mỹ làm Kiểm hiệu Thái bảo Đồng bình chương sự” (42). Nghĩa là, năm 911, Khúc Thừa Mỹ làm Tiết độ sứ, năm 918, được nhà Hậu Lương gia phong Kiểm hiệu Thái bảo Đồng bình chương sự. Sách *Tống sử* thì khẳng định: “Trong niên hiệu Trinh Minh nhà (Hậu) Lương, thổ hào là Khúc Thừa Mỹ riêng giữ đất ấy, tổng khoản cho Hậu Đế, (Hậu Đế) nhân đó ban cho Thừa Mỹ cờ tiết, phủ việt” (43) mà không nói rõ năm Trinh Minh thứ mấy, nhưng chắc chắn niên hiệu Trinh Minh chỉ bắt đầu từ năm 915. Sách *Tư trị thông giám* (44) (q. 268, Hậu Lương kỷ 8) viết rằng, năm Càn Hóa nguyên niên (911), “lấy Tĩnh Hải Lưu hậu là Khúc Mỹ làm Tiết độ sứ”; sách An Nam chí nguyên cũng viết: “Khúc Hạo tại chức 4 năm thì mất, con là Thừa Mỹ nối ngôi” (45). Sách này còn cho biết thêm: “Năm Ất Hợi (915), Thừa Mỹ sai sứ đi tiến cống, cầu xin phủ việt và phủ việt, được nhà Lương trao cho” (46). Năm 915 “*sai sứ đi tiến cống*”, có nghĩa đã là Tiết độ sứ, và nếu Khúc Hạo chỉ “tại chức” (làm Tiết độ sứ) “4 năm thì mất” tức vào năm 911.

Vậy là, các thư tịch cổ của Trung Hoa đã không thống nhất khi xác định năm Khúc Thừa Mỹ làm Tiết độ sứ. Nếu loại trừ năm 907 vì chắc là có sự nhầm lẫn tên Khúc Hạo với Khúc Thừa Mỹ, thì thư tịch Trung Hoa ghi chép có hai thời điểm Khúc Thừa Mỹ làm Tiết độ sứ: 911 và 917. Trong hai niên đại này, các nhà sử học Việt Nam thiên về năm

917, với cách luận giải rằng, nhà Hậu Lương thừa biết Thừa Mỹ là con Khúc Hạo, trong khi Khúc Hạo đang là Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ thì lẽ nào lại phong cho con của Khúc Hạo cùng làm Tiết độ sứ. Do vậy, có thể hiểu, năm 911 chỉ là năm Khúc Thừa Mỹ được cha cử đi sứ, hoặc giả năm đó, vì một lý do nào đó, Khúc Thừa Mỹ được nhà Lương phong chức, nhưng chỉ là danh nghĩa, còn thực tế, đến năm 917, khi Khúc Hạo qua đời, Khúc Thừa Mỹ mới thực sự kế nghiệp cha với danh hiệu Tiết độ sứ, để năm 918 (hay 919) Thừa Mỹ sai sứ sang nhà Lương xin tiết việt (tức là xin quyền tự chủ) và nhà Hậu Lương đồng ý trong tình thế không thể khác hơn. Tuy nhiên, gần đây, bằng việc phân tích, đối chiếu “sử ta với sử Tàu”, sử ta qua các đời sẽ thấy một số học giả có lý khi cho rằng, Khúc Hạo mất năm 911, từ năm ấy Khúc Thừa Mỹ đã kế nghiệp cha làm Tiết độ sứ và được nhà Hậu Lương thừa nhận, gia phong chức tước. Chẳng hạn trong sách *Thái bình ngự lãm* (47) có đề cập đến nhân vật Lưu Tuân (48) kể lại việc ông đã gặp Khúc tướng quân “*danh Thừa Mỹ*” trên đường đi sứ đến Quảng Châu và khẳng định là “*An Nam Hoan hảo sứ Khúc Tướng quân*” (49). Hoan hảo sứ hay như một số tài liệu khác ghi là Khuyển hiếu sứ, tức là người đại diện cho chính quyền họ Khúc đi sứ Quảng Châu để thăm dò, nắm tình hình trong ngoài của họ Lưu.

Nếu đúng là chuyến đi sứ của Khúc Thừa Mỹ diễn ra vào năm 911 như các sách *Cựu Ngũ đại sử*, *Tư trị thông giám*, đã nêu, sẽ có mấy vấn đề đặt ra: Thứ nhất, có khả năng Khúc Hạo mất vào cuối năm 911. Có thể thấy, vào thời điểm Lưu Ẩn mất, Lưu Nham thay anh nắm quyền ở Quảng Châu, bấy giờ Khúc Hạo cử Khúc Thừa Mỹ sang Quảng Châu (diễn ra trong năm Càn Hóa nguyên niên - 911), khi trở về thì

Khúc Hạo qua đời (cuối năm 911), Khúc Thừa Mỹ kế vị cha, tự xưng là Lưu hậu, để rồi ngày 8 tháng 12 âm lịch (tương ứng ngày 5-1-912), nhà Hậu Lương công nhận Khúc Thừa Mỹ là Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ và năm 915, sau khi Khúc Thừa Mỹ “*sai sứ đi tiến cống*”, nhà Hậu Lương sai Đại lý khanh Vương Thiên làm sứ giả đến An Nam trao cờ tiết việt và sắc phong cho Khúc Thừa Mỹ. Thứ hai, năm 917 là thời điểm Nam Hán lập quốc, là năm Khúc Thừa Mỹ đi làm Hoan hảo sứ và cũng là năm được các tác giả *Đại Việt sử ký toàn thư* chọn là năm mất của Khúc Hạo. Hai mốc thời gian 911 và 917 (gắn với 3 sự kiện: 1. Lưu Ẩn chết, Lưu Nham (Cung) thay anh nắm quyền ở Quảng Châu hay Lưu Nham lập quốc; 2. Khúc Hạo mất. Khúc Hạo làm Tiết độ sứ bao lâu và sự nghiệp cải cách được Khúc Thừa Mỹ tiếp tục phát huy trong thời gian 6 năm, 12 năm, 13 năm hay 19 năm? Điều đó có ý nghĩa trong việc ghi nhận sự đóng góp của Khúc Thừa Mỹ; 3. Năm 915 hay 919, Khúc Thừa Mỹ “*sai sứ đi tiến cống*” nhà Hậu Lương. Rõ ràng sứ thần An Nam đi năm 915 hay năm 919 với hoàn cảnh khác nhau, tính chất khác nhau và sứ mệnh cũng khác nhau. Chỉ cách nhau 4 năm thôi, nhưng tình thế xem ra đã hoàn toàn đổi khác, nhất là năm 917 lại là năm mà vị thế của Nam Hán đã khác trước và do đó, quan hệ với nước ta cũng khác. Hẳn nhiên điều này còn liên quan đến cả niên đại của sự kiện Nam Hán xua quân xâm lược nước ta, liên quan đến nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến, và không thể không liên quan đến việc đánh giá Khúc Thừa Mỹ.

Việc Nam Hán đánh chiếm nước ta, Khúc Thừa Mỹ bị bắt, nên tự chủ nước ta bị gián đoạn (dù chỉ trong thời gian rất ngắn), khiến nhiều nhà sử học với nhiều

quan điểm khác nhau đã lên tiếng phê phán, chỉ trích khá nặng nề và gần như phủ nhận tất cả những gì được xem là đóng góp của Khúc Thừa Mỹ đối với lịch sử nước nhà. Xin dẫn ra đây một số nhận định, đánh giá của các sử gia Việt Nam để làm cơ sở luận bàn.

Trước tiên nên bàn xem cuộc kháng chiến chống Nam Hán diễn ra vào năm nào và đối sách của họ Khúc lúc ấy ra sao? Theo cách nhìn nhận và đánh giá của sử quan phong kiến Việt Nam thì Khúc Thừa Dụ được xem là *manh sáng chí lược*, Khúc Hạo là người khoan hoà, là *bậc chúa hiền của nước Việt*. Còn Thừa Mỹ bị *“trăm họ oán trách rồi bị Nam Hán đánh diệt”* (50) như Lê Tung đã viết trong *Việt giám thông khảo tổng luận* và cho đó chính là nguyên nhân sự thất bại của cuộc kháng chiến. *Toàn thư* tham khảo *Việt giám thông khảo tổng luận* nhưng khi viết về họ Khúc đã không bàn gì về nguyên nhân Nam Hán đánh ta và nguyên nhân Khúc Thừa Mỹ thất bại, mà chỉ đề cập đến sự kiện Thừa Mỹ đi sứ Quảng Châu năm 917, cử người đi sứ Hậu Lương năm 919 và Nam Hán tấn công năm 923. Sách viết: “Đinh Sửu, (917), Khúc Hạo sai con là Thừa Mỹ làm Hoan hảo sứ sang Quảng Châu để thăm dò tình hình (Nam Hán) hư thực thế nào. Hạo chết, Khúc Thừa Mỹ lên thay. Kỷ Mão (919) Khúc Thừa Mỹ sai sứ sang nhà Lương xin được lĩnh Tiết việt, nhà Lương trao cho. Vua (Nam) Hán cả giận Quý Mùi (923) Năm ấy nhà Lương mất. Mùa thu, tháng 7, vua Hán sai kiêu tướng Lý Khắc Chính đem quân sang đánh Giao Châu, bắt được Tiết độ sứ là (Khúc) Thừa Mỹ đem về” (51). Đáng nói là Ngô Sĩ Liên có lời bàn thêm rằng: “Lưu Nghiễm đương lúc triều đình phương Bắc rối loạn, nhờ nghiệp cũ của anh mà dựng nước, đặt niên

hiệu, cùng với Khúc Hạo tranh bá, rồi bắt Thừa Mỹ, lấy Giao Châu, hùng cứ một phương, cùng xuýt xoát với các nước tiếm ngôi ở Bắc triều” (52). Lời bàn đó phần nào cho thấy quan hệ giữa Giao Châu với Nam Hán hết sức căng thẳng và áp lực đối với Thừa Mỹ là rất lớn.

Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* chép khá chi tiết về Khúc Thừa Dụ, Khúc Hạo và Khúc Thừa Mỹ. Riêng về Khúc Thừa Mỹ sách này viết: “Năm Đinh Sửu (917), Khúc Hạo sai con là Thừa Mỹ sang thông hảo với nhà Nam Hán. Khi bấy giờ Lưu Ẩn đã chết, em là Lưu Nham nối ngôi đặt quốc hiệu là Hán, niên hiệu Kiên Hanh. Đó là nhà Nam Hán. Khúc Hạo sai Thừa Mỹ sang Nam Hán kết mối hòa hảo. Thực ra đó là mượn tiếng hòa hảo để dò xét tình hình hư thực. Khúc Hạo mất, con là Thừa Mỹ lên thay. Năm Kỷ Mão (919), nhà Lương trao chức Tiết độ sứ cho Khúc Thừa Mỹ. Theo sách *An Nam kỷ yếu*, trước kia, Thừa Mỹ sai sứ sang nhà Lương xin lĩnh tiết việt; nhân thế nhà Lương cho làm Tiết độ sứ, coi quản Giao Châu. Năm Quý Mùi (923), Chúa Nam Hán là Lưu Cung sai Lý Khắc Chính sang xâm lấn. Khúc Thừa Mỹ đánh chống lại, không được, bị bắt. Theo sách *An Nam kỷ yếu*, trước kia Lưu Cung nghe nói Thừa Mỹ đã nhận “tiết việt” của nhà Lương, giận lắm, sai tướng giỏi là Lý Khắc Chính đem quân sang đánh, bắt được Thừa Mỹ, đưa về” (53).

Học giả Đào Duy Anh khi đề cập đến cuộc xâm lăng của Nam Hán cũng viết tương tự: “Khúc Thừa Mỹ nối nghiệp cha, năm 917 lại sai sứ sang nhà Lương (Hậu Lương) để xin nhận chức Tiết độ sứ, ý muốn lợi dụng sự mâu thuẫn giữa nước Lương và nước Nam Hán để củng cố sự nghiệp cát cứ của mình. Vua Nam Hán là Lưu Cung thấy Thừa Mỹ thần phục nhà

Lương lấy làm tức giận, sai tướng là Lê Khắc Chính (ĐDA chú thích: Việt sử lược chép là Lương Khắc Chân) đem quân sang đánh họ Khúc. Khắc Chính bắt được Thừa Mỹ đem về Quảng Châu. Lưu Cung cử Lý Tiến làm Thứ sử cùng với Khắc Chính đóng binh chiếm giữ, mưu thay các triều đại Trung Quốc mà thống trị nước ta” (54).

GS. Bửu Cầm trong sách *Quốc hiệu nước ta từ An Nam đến Đại Nam* viết: “Năm Trinh Minh thứ 5 (919), Thừa Mỹ sai sứ sang xin mệnh lệnh của nhà Lương, được Lương để trao cho phù tiết và phủ việt. Chuyện đó đã làm cho chúa Nam Hán là Lưu Cung tức giận, cho nên đến năm 923, Lưu Cung sai Lý Khắc Chính sang đánh và bắt Thừa Mỹ đưa về Nam Hán. Thế là họ Khúc làm Tĩnh hải quân tiết độ sứ được ba đời” (55).

Sách *Lịch sử Việt Nam*, tập 1 của UBKHXH sau khi thông tin về sự kiện “Năm 930, Nam Hán sai các tướng Lý Thủ Dung và Lương Khắc Trinh, đem quân sang đánh nước ta. Khúc Thừa Mỹ chống cự không nổi, bị bắt đưa về Quảng Châu Nhà Nam Hán cử Lý Tiến sang làm thứ sử châu Giao, cùng Lương Khắc Trinh đóng quân chiếm giữ Tống Bình” đã lưu ý thêm rằng, Khúc Thừa Mỹ sai sứ sang thần phục nhà Hậu Lương để mong dựa vào nhà Lương chống lại Nam Hán. Nhà Lương phong cho Khúc Thừa Mỹ chức tiết độ sứ (56). Trương Hữu Quýnh và các tác giả trong sách *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 1 cũng viết về Khúc Thừa Mỹ một cách sơ lược: “Mùa xuân năm 930, viện cố Khúc Thừa Mỹ không chịu thần phục Nam Hán, Lưu Nham sai các tướng Lương Khắc Trinh, Lý Thủ Dung đem quân sang xâm lược nước ta. Do thiếu chuẩn bị và thiếu tự tin, Khúc Thừa Mỹ không chống nổi cuộc xâm lăng của Nam Hán, đã bị bắt đưa về Quảng

Châu. Mặc dầu quân Nam Hán đánh bại Khúc Thừa Mỹ, nhưng vẫn không thể nào cai quản được các châu, quận ” (57).

Gần đây, sách *Lịch sử Việt Nam, tập 1: Từ khởi thủy đến thế kỷ X* do Vũ Duy Mên (chủ biên) đã có sự nhìn nhận vấn đề trung hưng đất nước của họ Khúc một cách thẳng thắn và cởi mở hơn. Sách viết, “Giành lấy chính quyền từ tay bọn phong kiến nước ngoài, Khúc Thừa Dụ đã kết thúc về cơ bản ách thống trị hơn một nghìn năm của phong kiến phương Bắc. Lịch sử ghi nhớ công lao của Khúc Thừa Dụ như một trong những người đặt nền móng cho nền độc lập, tự chủ của đất nước” (58). Các tác giả đã ghi nhận những đóng góp đặc biệt của chính quyền Họ Khúc trong cải cách hành chính, nhất là cải cách hành chính cấp cơ sở. Thực tế, “từ Khúc Thừa Dụ, đặc biệt từ Khúc Hạo, Khúc Thừa Mỹ đều đã nắm được quyền quản lý đất nước đến tận cơ sở là các làng xã - điều mà chính quyền đô hộ trước kia chưa làm được, chúng mới chỉ nắm đến cấp huyện. Trong suốt thời kỳ Bắc thuộc, hay ngay cả thời thuộc Đường, làng xã vẫn được coi là khu vực tự trị của người Việt, chỉ chịu sự cai trị gián tiếp của chính quyền đô hộ. Làng xã của người Việt chưa mất, vẫn tồn tại kiên cường với một sức sống mãnh liệt. Chính từ làng mà nhân dân ta đã giành lại được nước. Họ Khúc chính là đại diện cho những Hào tộc bản địa, tầng lớp lãnh đạo mới của dân Việt, giành lấy quyền quản lý đất nước, chấm dứt hơn một ngàn năm Bắc thuộc. Họ Khúc, đã sáng tạo ra mô hình quản lý đất nước, đặt nền móng cho việc xây dựng và phát triển quốc gia độc lập, tự chủ của Ngô - Đinh - Tiền Lê và Lý - Trần... sau này” (59).

Sách *Lịch sử Việt Nam*, tập 1 do Vũ Duy Mên chủ biên đã ghi nhận công lao, vai trò và vị thế của họ Khúc trong lịch sử Việt

Nam. Song, điều mà các học giả cần tiếp tục nghiên cứu để làm rõ hơn là có phải vì họ Khúc “*thần phục nhà Lương*” mà Lưu Nham “*lấy làm tức giận, sai tướng là Lê Khắc Chính đem quân sang đánh*”? có phải Thừa Mỹ “*đúc mỏng, tài hèn*” nên không đủ sức chống lại Nam Hán xâm lăng?

Thiết nghĩ, để có thêm cơ sở cho việc đánh giá Khúc Thừa Mỹ, cần quan tâm thêm mấy vấn đề cơ bản:

Các sự kiện: Khúc Thừa Mỹ đi sứ, Khúc Hạo qua đời, Thừa Mỹ làm Tiết độ sứ, cử người đi sứ nhà Lương, Nam Hán đánh chiếm Giao Châu, có liên quan mật thiết với nhau như những mắt xích trong cuộc đời và sự nghiệp của Khúc Thừa Mỹ. Các sự kiện này diễn ra ở mỗi thời điểm sẽ mang ý nghĩa khác nhau, bởi bối cảnh lịch sử khác nhau sẽ đem lại hệ quả không giống nhau. Do đó cần xâu chuỗi và phân tích các sự kiện trong bối cảnh lịch sử cụ thể.

Trước hết, vào năm 911, để thăm dò thực hư thế lực cát cứ họ Lưu, Khúc Hạo đã cho con là Thừa Mỹ sang Quảng Châu làm “Hoan hảo sứ”. Rõ là một công hai việc, vừa tạo được mối quan hệ hữu hảo vừa nắm bắt tình hình. Chuyến đi này không hề đơn giản mà phải vượt qua bao thử thách, bởi phải đương đầu với một thế lực cát cứ đang lên. Ta biết thời gian này Lưu Nham đã đánh chiếm hai vùng đất Cao Châu và Dung Châu (60) và tăng cường thế lực về phía nam. Việc đi sứ Quảng Châu vào thời điểm này ít nhiều làm suy giảm sự hùng hăng của họ Lưu. Nhưng lúc này họ Lưu chưa tuyên bố lập quốc mà vẫn chỉ là một thế lực cát cứ.

Khi Thừa Mỹ trở về, cũng là lúc Khúc Hạo mất, Thừa Mỹ kế vị cha tự xưng là “*Tĩnh Hải quân Lưu hậu*”. Thấy họ Lưu ngày càng hùng hổ, muốn nuốt chửng Giao Châu, Khúc Thừa Mỹ không thể không tìm

một chỗ dựa cho mình để khống chế thế lực của họ Lưu. Xét bấy giờ, việc giao hảo với họ Lưu xem ra không còn hiệu quả, việc đánh chiếm Giao Châu đối với họ Lưu đã trở thành mục tiêu chiến lược hàng đầu và việc động binh chỉ là vấn đề thời gian. Cho nên, việc Thừa Mỹ thần phục nhà Hậu Lương phải chăng là thế “*chẳng đáng dừng*” (61), trước hết là để khôi phục lại danh nghĩa Tiết độ sứ Tĩnh Hải quân đã mất vào tay họ Lưu, hơn nữa, việc triều cống, thần phục Đường, Hậu Lương, hay Hậu Đường,... không phải chỉ có An Nam (kể cả thần phục giả vờ), mà ngay cả Nam Hán khi đã lập quốc, hùng cứ một phương, năm 924 vẫn sang triều cống Hậu Đường, cho đến khi biết Hậu Đường không còn đáng sợ nữa mới thôi, thì việc Thừa Mỹ thần phục Hậu Lương cũng không vượt ra ngoài xu thế chung ấy.

Việc Thừa Mỹ cử người đi sứ nhà Lương năm 915 rất khác với năm 919, bởi năm 917 là năm họ Lưu lập quốc, một bước ngoặt quan trọng tạo nên sự thay đổi trong vị thế của Nam Hán và trong quan hệ giữa Nam Hán với Giao Châu, sự chuyển biến đó đặt chính quyền họ Khúc vào tình thế hết sức khó khăn. Năm 915 là thời điểm Lương Mạt Đế (Chu Hữu Trinh) mới lên ngôi 2 năm, Thừa Mỹ sai người đi sứ nhà Lương, Nam Hán chưa tuyên bố lập quốc thì làm gì có chuyện “*Vua (Nam) Hán cả giận*” Quý Mùi (923) Năm ấy nhà Lương mất. Mùa thu, tháng 7, vua Hán sai kiêu tướng Lý Khắc Chính đem quân sang đánh Giao Châu”. Có chăng là chuyện trước khi chết, Lưu Ẩn xin nhà Hậu Lương ban cho em là Lưu Nham chức tước mà mình đang nắm giữ: Thanh Hải - Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ. Chu Hữu Trinh vì mới lên ngôi nên đồng ý để lấy lòng các thế lực cát cứ bấy giờ, nhưng sau đó, năm 915 (theo *An Nam chí*

lược) lại ban tiết việt cho Khúc Thừa Mỹ, tức trao lại chức Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ cho họ Khúc. Đây mới là điểm mấu chốt khiến cho Lưu Nham (Cung) giận, vì quyền cai quản Tĩnh Hải quân đã mất vào tay họ Khúc. Nhiều người không chú ý tới mất xích này nên đã vội vàng kết luận rằng, vì Khúc Thừa Mỹ thần phục Hậu Lương nên Nam Hán Cao Tổ tức giận mà đem quân đánh. Thử nghĩ, nếu quả thực sự kiện này xảy ra vào năm 915, bấy giờ Nam Hán chưa trở thành “vương quốc độc lập” (tính chính thống mà nhiều người bàn là ở chỗ này) thì họ Khúc quan hệ ra sao. Thần phục ư? Không thể! Hữu hảo theo kiểu “hoan hảo sứ” ư? Không còn điều kiện. Theo tôi, đây là một bài toán khó, thậm chí rất khó!

Từ năm 915 đến năm 923 là 8 năm, một khoảng thời gian đủ dài cho sự “tức giận” của họ Lưu chín lên thành mục tiêu chinh phạt khi đã có đủ thế và lực trong tay. Nhà Hậu Lương đã sụp đổ, bản thân Nam Hán trở thành vương quốc hùng mạnh ở nam Trung Hoa. Có lẽ vì đặt sự kiện của Thừa Mỹ vào năm 919 khi họ Lưu đã lập quốc và cuộc xâm lăng của Nam Hán vào năm 923 gần sát với nhau đã khiến nhiều người cho rằng, Nam Hán “tức giận” mà “thống lĩnh binh sĩ tiến đánh” (*Nam Hán thư*) xem ra dễ tạo nên sức thuyết phục. Nhưng nếu đặt hai sự kiện đó vào hai thời điểm khác, chẳng hạn 915 với 923, nhất là 915 với 930 thì lý do vì thần phục nhà Lương khiến vua Nam Hán tức giận mà đem quân sang đánh, nghe không thuyết phục lắm. Trong trường hợp này, động cơ bành trướng của họ Lưu xem ra có sức thuyết phục hơn. Và như sách *Đại cương lịch sử Việt Nam, tập 1*, “Mùa xuân năm 930, viện có Khúc Thừa Mỹ không chịu thần phục Nam Hán, Lưu Nham sai các tướng Lương Khắc Trinh, Lý Thủ Dung đem quân sang xâm lược nước ta”

(trên đã dẫn). Đúng vậy, có chăng chỉ là “viện có” thôi. Nên cho dù họ Khúc có cố tìm cách “hoan hảo” thì cũng khó làm suy giảm tham vọng bành trướng của họ Lưu. Hơn thế nữa, khi Khúc Thừa Mỹ bị bắt đem về Phiên Ngung, vua Hán ngồi ở Nghi Phượng nhìn và “bảo Thừa Mỹ rằng: “Mày cho ta là triều đình ngụy, nay lại bị trói đưa về đây là có sao?” Thừa Mỹ cúi đầu chịu phục, bèn được tha” (62). Có lẽ cách dịch câu này cũng đã gây nên sự ngộ nhận với nhiều người. Trước hết ta thừa nhận một thực tế là Thừa Mỹ đã xem Nam Hán là “ngụy đình” là bởi trước đây, khi làm “Hoan hảo sứ” nắm rõ thực hư con người và thế lực của họ Lưu, Thừa Mỹ đã tỏ ra không phục, nhưng không vì thế mà vua Nam Hán coi thường, khinh bỉ và đối đãi một cách tệ hại. Câu nói của Lưu Nham chép trong *Tân Ngũ đại sử* và được tác giả *Việt sử tiêu án* và *Đại Việt sử ký tiền biên* dẫn lại: 公常以我為偽廷，今反面縛，何也 (Công thường dĩ ngã vi ngụy đình, kim phản diện phược, hà dã) được cụ ứng Hòe Nguyễn Văn Tố dịch một cách cẩn trọng là: “Ông [Công] thường lấy tôi [ngã] làm ngụy đình, nay lại bị trói ngược, là sao?” (63) cho thấy Lưu Nham không hề coi thường Thừa Mỹ, thậm chí còn tỏ ra nể trọng mà tha, phần nào cho thấy Khúc Thừa Mỹ không phải là con người có nhân cách tầm thường, nông nổi.

Cũng nên hiểu thêm rằng, nếu cuộc xâm lăng của Nam Hán đối với Giao Châu diễn ra năm 930 như nhiều thư tịch đã chép (64), thì bấy giờ nhà Hậu Lương đã mất 7 năm, làm sao Thừa Mỹ có thể ảo vọng vào sự “che chở” của nhà Hậu Lương. Do đó, khó có thể cho rằng, Thừa Mỹ vì quá chủ quan dựa vào sự giúp đỡ của Hậu Lương mà bỏ qua “thịnh ý” bang giao của họ Lưu nên Nam Hán nổi giận mà đem quân đánh

chiếm. Thiển nghĩ, luận như thế thì chẳng thấy logic ở đâu cả.

Không ít người cho rằng, Thừa Mỹ không nổi được chí cha, không phát huy tinh thần thân dân mà ông cha đã thực thi và gây dựng nên không huy động được sức dân để tổ chức kháng chiến thành công. Thất bại của Khúc Thừa Mỹ và cuộc kháng chiến thì đã rõ, song để hiểu vì sao thì không thể chỉ dựa vào những nhận định một cách chung chung đại loại như sai lầm trong sách lược ngoại giao, không mềm dẻo với láng giềng; không theo con đường và phương thức mà ông, cha đã chọn, không thực hiện thân dân, mà không có cứ liệu nào khả dĩ giúp ta có được sự xác tín, bởi tìm đọc các thư tịch của ta và của Tàu đều không thấy ai đề cập, mô tả chính sách cai trị của Khúc Thừa Mỹ với đất nước ta. Song, điều cần nghĩ là, Khúc Hạo chỉ làm Tiết độ sứ từ năm 907 đến năm 917 là 10 năm, nếu ông mất năm 911 thì chỉ có 4 năm, trong khi đó, Khúc Thừa Mỹ làm Tiết độ sứ 19 năm (911-930), chỉ ít là 13 năm (917-930). Tất nhiên thời gian tại vị không nói lên tất cả, nhưng ở đây có hai vấn đề cần bàn: *Thứ nhất*, trong suốt thời gian trị vì đất nước, không thấy tài liệu nào viết về nội tình đất nước ta xảy ra điều gì chứng tỏ Tiết độ sứ Thừa Mỹ không chuyên tâm chính sự, bỏ bê triều chính hay mãi vui chơi, đam mê tửu sắc, hưởng thụ trên sự đau khổ của nhân dân,... có người bảo bấy giờ phú thuế, lao dịch nặng nề, dân ta không còn ủng hộ chính quyền như trước, thậm chí có ý kiến cho rằng cuộc cải cách không thấy rõ dấu ấn của Khúc Thừa Mỹ,... nhưng chẳng có một sử liệu nào để chứng minh cho những nhận định này; *thứ hai*, nhắc đến cuộc cải cách, nhiều người hiểu rằng, đây là cuộc cải cách của họ Khúc đối với đất nước, được khởi xướng từ Khúc Hạo.

Thử nghĩ, nếu Khúc Hạo mất năm 911, tức cuộc cải cách mới trải quan 4 năm, nếu Khúc Thừa Mỹ không tiếp tục sự nghiệp của cha ông làm sao công cuộc cải cách đạt được thành tựu như các nhà nghiên cứu đánh giá. Vả lại, nếu dưới thời Hậu Khúc chúa đất nước suy vong, làm sao Dương Đình Nghệ có thể phục hồi một cách nhanh chóng (?). Có thể hiểu nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến có nhiều, trong đó không thể không nói đến sự non trẻ, thiếu từng trải trong chiến trận của quân đội họ Khúc, xu hướng cát cứ của tầng lớp hào trưởng ở các địa phương tạo nên tính bất thống trong nền chính trị đương thời của đất nước, và tất nhiên không loại trừ khả năng tổ chức, lãnh đạo kháng chiến chưa kịp thời, chưa hợp lý của Tiết độ sứ Thừa Mỹ. Nếu làm một phép so sánh giữa Khúc Thừa Mỹ với họ Hồ đầu thế kỷ XV ta sẽ thấy có những nét tương đồng và dị biệt (tất nhiên mọi sự so sánh đều khập khiễng nên chỉ dừng ở mức tương đối). Tương đồng ở chỗ họ Khúc và họ Hồ đều tiến hành cải cách đất nước, cả hai đều thất bại trong kháng chiến chống xâm lăng. Song, điểm khác biệt đáng lưu ý nhất là nguyên nhân thất bại về phía họ Hồ đã rõ là mất lòng dân ("*thần chỉ sợ lòng dân không theo*" - Hồ Nguyên Trừng), trong điều kiện nền quân chủ trung ương tập quyền đã xác lập khá ổn định, trong khi đó, sự thất bại của họ Khúc nguyên nhân chưa được rõ ràng (ngoài sự non trẻ của chính quyền độc lập tự chủ và xu thế cát cứ của các hào trưởng địa phương). Như vậy, phải chăng việc đánh giá Khúc Thừa Mỹ đã từng bị "công thức hóa" bởi các sử quan phong kiến thời Lê, Nguyễn,

3. Thay lời kết

Nói như các tác giả sách *Lịch sử quân sự Việt Nam*, tập 2, "Tuy sử cũ không chép nhưng chúng ta có thể suy đoán rằng: họ

Khúc chiếm được phủ thành, giành quyền chính trị trong xứ tất đã phải trải qua cuộc đấu tranh về mặt quân sự và ngoại giao, cuộc đấu tranh đó dựa trên cuộc đấu tranh rộng lớn của nhân dân ta từ lâu nhằm lật đổ chính quyền đô hộ” (65). Có lẽ phải thêm cho tròn ý, những cuộc đấu tranh đó của nhân dân ta dưới thời họ Khúc lãnh đạo đất nước đã tạo nên những yếu tố góp phần hun đúc truyền thống của dân tộc Việt Nam: yêu nước và độc lập dân tộc.

Sự cảm nhận, suy đoán, đôi khi rất quan trọng, nhất là những “sự kiện tri thức”. Nhưng, đánh giá một vương triều, một con người, nhất là nhân vật lịch sử đòi hỏi phải có sự cân trọng cần thiết, cần phải lấy sử liệu làm căn bản. Không thể chỉ dựa vào một nhận định chủ quan của một ai đó (chẳng hạn Lê Tung trong *Đại Việt thông giám tổng luận* cho rằng: “Đến đời Hậu Chúa [Thừa Mỹ] nhằm can qua, nặng phú dịch, trăm họ oán trách rồi bị Nam Hán

đánh diệt”) để rồi thiếu sự công tâm, thiếu căn cứ. Lỗi tư duy theo nhãn quan phong kiến: đã là bại tướng là xử trảm, không bàn nguyên nhân,... xem ra không còn phù hợp nữa. Câu chuyện Tư Mã Thiên đấu tranh để bảo vệ Lý Lăng từ thời Hán cách đây hơn hai ngàn năm trước, khiến chúng ta không khỏi suy tư.

Với họ Khúc, vai trò, vị thế, công lao, đóng góp trong lịch sử dân tộc đã được các nhà khoa học từng bước làm rõ. Với Khúc Thừa Mỹ, một con người cả cuộc đời vì đất nước, dân tộc, chẳng lẽ vì sự thất bại trong tổ chức kháng chiến mà mọi công lao đều bị phủ nhận thế sao (!).

Thiết nghĩ, một sự đầu tư nghiên cứu thật nghiêm túc để có một đánh giá thật sự khoa học và thuyết phục về một nhân vật lịch sử như Khúc Thừa Dụ, Khúc Thừa Mỹ là hết sức cần thiết, nên xem đó là một trong những nhiệm vụ đặt ra cho các nhà sử học Việt Nam trong thời gian tới.

CHÚ THÍCH

(1). *Ngự chế thi tập* là bộ gồm 6 tập, chép những bài thơ của vua Minh Mệnh, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

(2). Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1999, tr. 75.

(3). *Cựu Ngũ đại sử* (tên gốc là *Ngũ đại sử*) do Tiết Cư Chính (912 - 981) vâng lệnh hoàng đế Tống Thái Tổ chủ trì biên soạn vào năm 974. Sách viết theo thể kỷ truyện, gồm 150 quyển, chia thành các phần là *Lương thư*, *Đường thư*, *Tấn thư*, *Hán thư*, *Chu thư*, *Liệt truyện* và *Chí*. *Cựu Ngũ đại sử* ghi chép toàn bộ lịch sử thời Ngũ đại - Thập quốc. Bộ sử này được xếp vào hàng chính sử, là một trong *Nhị thập tứ sử* của Trung Quốc thời phong kiến.

(4). *Cựu Ngũ đại sử*, quyển 3. Nguồn: <http://www.guoxuedashi.net>

(5). Sách *Tân Ngũ đại sử* do Âu Dương Tu (1007-1072) chủ trì biên soạn và hoàn thành vào năm 1053

dưới thời Tống Nhân Tông, gồm 74 quyển. Đây là bộ sách thuộc hàng chính sử, một trong *Nhị thập tứ sử* của Trung Hoa thời phong kiến.

(6). Sách *Nam Hán thư* do Lương Đình Nam (1796-1861), một học giả đời Thanh biên soạn. Sách gồm 18 quyển, chia thành Bản kỷ 6 quyển và Liệt truyện 12 quyển, trình bày về lịch sử nhà Nam Hán.

(7). *Nam Hán thư*, quyển 18. *Khai Bình* là niên hiệu đầu tiên của Hậu Lương Thái Tổ (Chu Ôn), sử dụng vào năm 907-911.

(8). Cao Hùng Trưng, *An Nam chí nguyên*, Hoa Bằng dịch chú và giới thiệu, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2017, tr. 282.

(9). *Nam Hán kỷ* do học giả đời Thanh là Ngô Lan Tu (1789-1839) biên soạn. Sách *Nam Hán kỷ* là một chuyên khảo về Nam Hán. Ra đời sau *An Nam chí nguyên* cả thế kỷ.

(10). *Nam Hán kỷ*, nhị, Cao Tổ kỷ, tr. 44.
Nguồn: <https://souyun.cn/eBookIndex>

(11). *An Nam chí lược* do Lê Tắc biên soạn vào nửa đầu thế kỷ XIV. Ông là người thời Trần đầu hàng nhà Nguyên.

(12). Sách *Thái bình quảng ký* là một bộ loại thư lớn, do nhóm Lý Phương (12 người) đời Tống biên soạn theo lệnh của vua Tống Thái Tông. Sách bắt đầu biên soạn vào năm Thái Bình Hưng Quốc thứ 2 (977), đến năm 978 thì hoàn thành, gồm 500 quyển.

(13). *Đại Việt sử ký tiền biên* do Ngô Thì Sĩ biên soạn vào thế kỷ XVIII, con là Ngô Thì Nhậm biên tập và tu đính văn bản.

(14). Quách Chấn Đạc & Trương Tiểu Mai, *Việt Nam thông sử*, Nxb. Đại học Nhân dân Trung Quốc, 2002, tr. 12.

(15). Lê Quý Đôn, *Vân đài loại ngữ*, Trần Văn Giáp biên dịch và khảo thích, Cao Xuân Huy hiệu đính và giới thiệu, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2006, tr. 154-155.

(16). *Việt sử lược*, bản dịch của Trần Quốc Vượng, Nxb. Thuận Hóa - Trung tâm văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, 2005, tr. 37.

(17). Ngô Sĩ Liên và các sử thần thời Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 201.

(18). Lê Tắc, *An Nam chí lược*, Nxb. Thuận Hóa và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, 2002, tr. 224, 225. Chỗ này người dịch có sự nhầm lẫn, vì Lưu Nghiễm (tức Lưu Nham, Lưu Cung,) em cùng cha khác mẹ với ẩn, không phải con.

(19). Lê Tung, *Việt giám thông khảo tổng luận*. Lê Tung quê ở Hà Nam, tên thật là Dương Bang Bản, vì có nhiều công lao nên được mang quốc tính đổi thành Lê Tung. Năm 1484, đỗ tiến sĩ (thời Lê Thánh Tông). Dưới thời Lê Tương Dực ông giữ chức Thiếu bảo Thượng thư bộ Lễ, Đông các Đại học sĩ kiêm Quốc tử giám Tế tửu. Năm 1514, nhân việc Vũ Quỳnh dâng *Đại Việt thông giám thông khảo*, vua Tương Dực sai ông soạn *Đại Việt thông giám tổng luận*. Bài tổng luận của ông sau này

được các soạn giả của bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* đưa toàn bộ vào phần đầu của bộ quốc sử.

(20). Lê Tung, *Việt giám thông khảo tổng luận*. Câu viết về Thừa Mỹ: 至於後主、潰于干戈、賦繁役重、百姓怨嗟、尋為南漢所滅」(『全書』所引『越鑑通考總論』).

(21). Xem thêm: Đỗ Danh Huấn, “Sử liệu viết về họ Khúc”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 6 (422), 2011, tr. 36-49; *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng dịch, Nxb. Văn Sử Địa, 1960, tr. 39; Lê Tắc, *An Nam chí lược*, Viện Đại học Huế, Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam xuất bản, 1961, tr. 190-191; *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, T. 1, 1993, tr. 201-202; *Đại Việt sử ký tiền biên*, Nxb. Khoa học xã hội, 1997, tr. 135-138; Ngô Thì Sĩ, *Việt sử tiêu án*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2001, tr. 87-88; Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, T.1, tr. 206, 207.

(22). Trong sách này lúc đầu Ngô Thì Sĩ chép là Khúc Thừa Hựu nhưng sau đó ông lại viết: *Xét theo dã sử, Khúc Thừa Dụ*. Điều đó có nghĩa, Ngô Thì Sĩ cho rằng, tên Khúc Thừa Dụ là theo dã sử, nhưng ông không nói rõ là tên Khúc Thừa Hựu là theo tài liệu nào. Trong khi đó, sách sử Trung Hoa sớm như *Cựu Ngũ đại sử*, muộn hơn như *Nam Hán kỷ* đều ghi là Khúc Dụ hay Khúc Thừa Dụ.

(23). Ngô Thì Sĩ, *Đại Việt sử ký tiền biên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 135.

(24). Ứng Hoè Nguyễn Văn Tố, *Đại Nam đặt sử*, Nxb. Khoa học xã hội, 2019, tr. 140.

(25). Bửu Cầm, *Quốc hiệu nước ta từ An Nam đến Đại Nam, Tủ sách Sử học*, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa, 1969.

(26). Nguyễn Bá Trắc, *Hoàng Việt Giáp Tý niên biểu*, Tủ sách Viện Khảo cổ, Bộ Quốc gia giáo dục, Sài Gòn, 1963, tr. 166. Có một chi tiết đáng lưu ý là Nguyễn Bá Trắc cho rằng, Dương Diên (Đình) Nghệ làm Tiết độ sứ từ năm 923 đến năm 937, khi ông viết: “Năm 936 - Bính Thân, Dương Diên-Nghệ làm Tiết-độ, năm 14. Năm 937 - Đinh Dậu, Kiều Công-Tiện, năm 1”, tr. 168.

(27). Phạm Văn Sơn, *Việt-sử tân-biên, tập I: Thượng-cổ và Trung-cổ thời-đại*, Nxb. Khai Trí, Sài Gòn, 1954, tr. 237.

(28). Đào Duy Anh, *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2002, tr. 157. Sách này do GS. Đào Duy Anh biên soạn từ năm 1949 với tựa đề *Việt Nam lịch sử giáo trình*, viết lại năm 1952 để trình lên Ban Tuyên giáo Trung ương; xuất bản năm 1955, tái bản lần thứ nhất năm 1957.

(29), (30). Đào Duy Anh, *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*, sdd, tr. 158.

(31). Bộ *Lịch sử Việt Nam* do Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức biên soạn gồm 2 tập, tập 1 do Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn, Trần Quốc Vượng biên soạn và xuất bản lần đầu tiên năm 1971 đã dành chương 4 để viết về *Phong trào đấu tranh của nhân dân chấm dứt chế độ đô hộ phong kiến của nước ngoài và giành lại độc lập hoàn toàn (thế kỷ VII - đầu thế kỷ X)*, Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn, Trần Quốc Vượng, *Lịch sử Việt Nam, tập 1*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr. 137.

(32). Bộ *Lịch sử Việt Nam* 15 tập do Viện Sử học (thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) tổ chức biên soạn. Tập 1 (Từ khởi thủy đến thế kỷ X) do PGS.TS. Vũ Duy Mẫn chủ biên (xuất bản lần đầu năm 2013, tái bản lần thứ nhất năm 2017), Chương VI. *Chế độ đô hộ Tùy - Đường và những cuộc khởi nghĩa giành chính quyền tự chủ ở Giao Châu*, trong mục III: *Những cuộc khởi nghĩa giành quyền độc lập, tự chủ của nhân dân Giao Châu* có tiểu mục *Những cuộc khởi nghĩa của nhân dân Giao Châu*, viết về Khúc Thừa Dụ và công cuộc đấu tranh giành lại quyền độc lập, tự chủ.

(33), (34). Vũ Duy Mẫn (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam, tập 1: Từ khởi thủy đến thế kỷ X*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017, tr. 383, 385.

(35). Sách *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*. Xem thêm Trần Thuận, “Năm 905 - Kết thúc thời kỳ “Ngàn năm Bắc thuộc””, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 5 (529)-2020, tr. 17.

(36). Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 218.

(37). Sách này dẫn theo sách *Tư trị thông giám*: Ngày Mậu Ngọ tháng 12, lấy Khúc Mỹ ở Tĩnh Hải làm Tiết độ sứ. Nhiều bộ sử Trung Hoa như *Văn hiến thông khảo*, gọi tắt Thông khảo, do sử gia thời Nguyên là Mã Đoan Lâm (1254-1324) biên soạn (q. 330), *Tống hội yếu tập cảo* do học giả thời Thanh là Từ Tùng thu thập các bản tàn khuyết của *Tống hội yếu* thời Tống rồi biên tập, chỉnh lý,... đều chép trong niên hiệu Trinh Minh triều Hậu Lương, thổ hào là Khúc Thừa Mỹ riêng chiếm đất ấy.

(38). *Cựu Ngũ đại sử, quyển 6*. Nguồn: <http://www.guoxuedashi.net>

(39). *An Nam truyện* do Vương Thế Trinh (1526-1590) người thời Minh biên soạn. Sách gồm 2 quyển, khái quát lịch sử An Nam về diên cách, núi sông, quan hệ với Trung Hoa từ thời Tần Hán đến thời Minh.

(40). *An Nam truyện, quyển nhất*. Nguồn: <http://www.guoxuedashi.net>

(41). *Cựu Ngũ đại sử, quyển 6*, Tlđđ.

(42). *Cựu Ngũ đại sử, quyển 9*. Nguồn: <http://www.guoxuedashi.net>

(43). *Tống sử*, một trong *Nhị thập tứ sử* của Trung Hoa. Sách do Thoát Thoát, đại thần triều Nguyên chủ trì biên soạn theo lệnh của Nguyên Huệ Tông và hoàn thành vào năm 1345.

(44). Sách *Tư trị thông giám* (gọi tắt là *Thông giám*) gồm 294 quyển, do Tư Mã Quang (1019-1086) thời Bắc Tống làm chủ biên. Đây là bộ sử biên niên quan trọng của Trung Quốc thời phong kiến, ghi chép các sự kiện tiêu biểu của lịch sử Trung Quốc trong hơn 1300 năm, từ năm 403 TCN đến năm 959. Đến thời Nguyên, sách được Hồ Tam Tỉnh (1230-1302) chú thích, khảo chính và đặt tên là *Tư trị thông giám âm chú*. Bản đang dùng là *Tư trị thông giám âm chú*.

(45), (46). Cao Hùng Trưng, *An Nam chí Nguyên*, Hoa Bằng dịch chú và giới thiệu, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2017, tr. 292.

(47). Sách *Thái bình ngự lãm* được coi là một trong “tứ đại thư” của nhà Tống, do nhóm Lý Phưởng và Từ Huyền biên soạn từ năm 977 đến

năm 983 theo sắc chỉ của Tống Thái Tông, trong đó có tham khảo *Lĩnh biểu lục địa* của Lưu Tuân.

(48). Lưu Tuân viết *Lĩnh biểu lục địa* khi còn là thần tử của nhà Đường hoàn thành vào thời Ngũ đại, tức sau năm 907. Sau khi nhà Đường đổ, ông về sống ở Phiên Ngung (Quảng Châu). Khi Khúc Thừa Mỹ trên đường đi sứ Quảng Châu, đến Tân Hội (thuộc Quảng Châu), Lưu Tuân có gặp gỡ và ghi chép lại cuộc gặp gỡ ấy.

(49). Xem thêm *Thái bình ngự lãm*, bản truy cập tại địa chỉ: <https://dl.ndl.go.jp/info:ndljp/pid/2551322/138>.

(50). Lê Tung, *Việt giám thông khảo tổng luận* (đã dẫn).

(51), (52). Ngô Sĩ Liên và các sử thần thời Lê (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sdd, tr. 201-202, 202.

(53). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục, tập một*, sdd, tr. 219-220.

(54). Đào Duy Anh, *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*, sdd, tr. 159.

(55). Bửu Cầm dẫn từ *Đại Việt sử ký tiền biên* với đoạn chép trong *Dã sử* cho rằng, “Họ Khúc truyền ba đời, bắt đầu từ năm Canh Tý (880) đến năm Canh Dần (930) thì dứt, cộng là 51 năm” và ý kiến của Nguyễn Văn Tố trong bài “Sử ta so với sử Tàu” đăng trong tuần báo *Thanh nghị* năm thứ tư, số 72, ngày 1-7-1944, không đồng tình với quan điểm của *Dã sử* cho rằng họ Khúc tồn tại đến năm 930. Theo cụ Tố, họ Khúc bắt đầu từ năm 880 và kết thúc vào năm 923. Từ 923 đến 930, Dương Diên Nghệ chưa xưng Tiết độ sứ nhưng vẫn giữ việc châu Giao, cầm quân châu Giao, đuổi được Lý Khắc Chính, giết chết Trần Bảo.

(56). Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn, Trần Quốc Vượng, *Lịch sử Việt Nam, tập 1*, sdd, tr. 137.

(57). Trương Hữu Quýnh (chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam, tập 1*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1997, tr. 103.

(58), (59). Vũ Duy Mên (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam, tập 1: Từ khởi thủy đến thế kỷ X*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 384, 386-387.

(60). Theo sách *Thông giám* thì, năm Khai Bình thứ 4 (910), Lưu ản đã sai Lưu Nham tấn công Dung Châu và Cao Châu. Đến khoảng cuối năm 911, đầu năm 912, họ Lưu ở đã chiếm được hai vùng đất này từ tay họ Mã.

(61). Xin nói thêm: Nhà Hậu Lương khi mới thành lập đã tiến hành nhiều cải cách mạnh mẽ về cả kinh tế, quân sự, Về ngoại giao, thời gian đầu nhà Hậu Lương, hầu như tất cả các quốc gia và phiên trấn đều tuyên bố thần phục, chỉ một số như Tấn, Kỳ, Tiền Thục, và Ngô là đối đầu, trong đó, nước Tấn của Lý Khắc Dụng trở thành tử địch của Hậu Lương và chính cuộc đối đầu với Tấn đã làm cho Hậu Lương ngày mỗi suy yếu.

(62). Ngô Gia Văn Phái, *Việt sử tiêu án: Từ Hồng Bàng đến ngoại thuộc nhà Minh*, bản dịch của Hội Việt Nam nghiên cứu liên lạc văn hóa Á châu, Sài Gòn, Văn hóa Á châu xuất bản, 1960, tr. 77.

(63). Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố, “Đại Nam dật sử”, Tạp chí *Tri tân*, số 145, 8/1944.

(64). Sách *An Nam Truyện - Ghi chép về Việt Nam trong chính sử Trung Quốc xưa* cũng chép: “Đại Hữu năm thứ ba (930), [Lưu Nghiễm] sai tướng Lý Thủ Dung và Lương Khắc Trinh đánh Giao Chỉ, bắt được Khúc Thừa Mỹ... Thừa Mỹ là con của Khúc Hạo. Châu Hải Đường, *An Nam Truyện - Ghi chép về Việt Nam trong chính sử Trung Quốc xưa*, Công ty Cổ phần sách Tao Đàn, Nxb. Hội Nhà văn, 2018, tr. 235. Sách này do Châu Hải Đường tập hợp các ghi chép về Việt Nam trong 17 bộ chính sử xưa của Trung Quốc, bao trùm một khoảng thời gian dài, từ thời nhà Tần, Hán đến năm 1911- Cách mạng Tân Hợi chấm dứt triều đại phong kiến ở Trung Hoa, biên dịch và xuất bản.

(65). Viện Lịch sử quân sự, Bộ *Lịch sử quân sự Việt Nam* 14 tập, tập 2 - *Đấu tranh giành độc lập tự chủ (Từ năm 179 TCN đến năm 938)* do GS. Trần Quốc Vượng chủ biên, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 254. Chương IV - Giành quyền tự chủ củng cố độc lập và thống nhất quốc gia. Hai lần chống Nam Hán. Sự nghiệp giành lại quyền tự chủ toàn thắng (905-938) với mục I nói

về Khúc Thừa Dụ giành quyền tự chủ, xây dựng và củng cố độc lập dân tộc. (tr. 248-249, 254).